ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 214 /BC-UBND	*Hưng Yên, ngày 24 tháng 12 năm 2013*

BÁO CÁO

Về việc bổ sung kinh phí trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo các Nghị định của Chính phủ: Số 67/2007/NĐ-CP, số 13/2010/NĐ-CP và số 06/2011/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 của Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 168/2004/NĐ-CP ngày 20/9/2004 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ về chính sách cứu trợ xã hội; số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

UBND tỉnh báo cáo kinh phí thực hiện chính sách đảm bảo an sinh xã hội theo các Nghị định của Chính phủ: Số 168/2004/NĐ-CP, số 67/2007/NĐ-CP, số 13/2010/NĐ-CP, số 06/2011/NĐ-CP như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Đối tượng	Nhu cầu kinh phí ĐP thực hiện	TƯ đã cân đối và bổ sung	Đề nghị TƯ bổ sung
Bảo trợ xã hội năm 2013 theo các Nghị định 168/2004/NĐ-CP, 67/2007/NĐ-CP và 13/2010/NĐ-CP	150.812	118.049	32.763
Năm 2013 thực hiện Nghị định 06/2011/NĐ-CP (người cao tuổi từ đủ 80 tuổi đến dưới 85 tuổi),	73.191	0	73.191
Năm 2012 thực hiện Nghị định 06/2011/NĐ-CP (người cao tuổi từ đủ 80 tuổi đến dưới 85 tuổi)	70.081	0	70.081
TỔNG	**294.084**	**118.049**	**176.035**

(Có biểu chi tiết đính kèm).

Để đảm bảo thực hiện tốt chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Tài chính bổ sung **176.035.000.000đ** (Một trăm bảy mươi sáu tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn) hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Hưng Yên theo chế độ quy định.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo và đề nghị Bộ Tài chính xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Thơi

Nơi nhận:
-Như kính gửi;
-Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT; CV:TH[T]

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHI TRỢ GIÚP CÁC ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI NĂM 2013
THEO NGHỊ ĐỊNH 168/2004/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH 67/2007/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 13/2010/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số 214 /BC-UBND ngày 24 /12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Loại đối tượng	Đối tượng do địa phương báo cáo thực hiện (người)													Mức chi (triệu đồng /người/tháng)	Nhu cầu kinh phí thực hiện (tr.đ)	
		Tổng số	Gồm													Nhu cầu kinh phí địa phương	Nhu cầu kinh phí Tỉnh đề nghị hỗ trợ
			TP Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	Huyện Phù Cừ	Kim Động	Huyện Ân Thi	Huyện Khoái Châu	Huyện Yên Mỹ	Huyện Mỹ Hào	Huyện Văn Lâm	Huyện Văn Giang	Trung tâm bảo trợ xã hội	TT điều dưỡng tâm thần kinh	TT nuôi điều dưỡng người có công		
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	Tổng số (A+B+C+D+E)	**200.326**	**10.477**	**18.609**	**10.701**	**25.539**	**23.942**	**38.656**	**22.080**	**13.199**	**16.784**	**19.435**	**233**	**421**	**250**		**294.084**	**294.084**
A	**TRỢ CẤP HÀNG THÁNG (I+II+III)**	**48.534**	**2.899**	**4.195**	**2.696**	**6.478**	**5.622**	**8.707**	**5.372**	**3.453**	**4.143**	**4.535**	**113**	**205**	**116**		**115.422**	**115.422**
I	**Trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng do xã, phường quản lý**	**48.088**	**2.899**	**4.195**	**2.696**	**6.466**	**5.622**	**8.707**	**5.372**	**3.453**	**4.143**	**4.535**	**-**	**-**	**-**		**113.369**	**113.369**
	1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	-																
	- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng;	-																
	+ Từ 18 tháng tuổi trở lên	325	15	20	2	40	37	64	67	41	39					0,18	702	
	+ Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	4			-	3				1						0,27	13	
	+ Dưới 18 tuổi bị tàn tật nặng, bị nhiễm HIV/AIDS	1	1		-											0,36	4	
	- Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật	-			-												-	
	+ Từ 18 tháng tuổi trở lên	28			-				28							0,18	60	
	+ Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	-			-											0,27	-	
	+ Dưới 18 tuổi bị tàn tật nặng, bị nhiễm HIV/AIDS	5			-				5							0,36	22	
	- Trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng;	-			-												-	
	+ Từ 18 tháng tuổi trở lên	3			-	1			2							0,18	6	
	+ Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	-			-											0,27	-	
	+ Dưới 18 tuổi bị tàn tật nặng, bị nhiễm HIV/AIDS	-			-											0,36	-	
	- Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên.	-			-											0,18	-	
	2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	-															-	
	- Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo	-															-	
	+ Dưới 85 tuổi	1.087	71	102	56	146	131	161	107	113	85	115				0,18	2.348	
	+ Dưới 85 tuổi bị tàn tật nặng	82	12	10	-	1	16	6	9	6	14	8				0,27	266	
	+ Từ 85 tuổi trở lên	18			-	16			2							0,27	58	
	+ Từ 85 tuổi trở lên bị tàn tật nặng	1			-				1							0,36	4	

TT	Loại đối tượng	Đối tượng do địa phương báo cáo thực hiện (người)														Mức chi (triệu đồng /người/tháng)	Nhu cầu kinh phí thực hiện (tr.đ)	
		Tổng số	Gồm														Nhu cầu kinh phí địa phương	Nhu cầu kinh phí Tỉnh đề nghị hỗ trợ
			TP Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	Huyện Phù Cừ	Kim Động	Huyện Ân Thi	Huyện Khoái Châu	Huyện Yên Mỹ	Huyện Mỹ Hào	Huyện Văn Lâm	Huyện Văn Giang	Trung tâm bảo trợ xã hội	TT điều dưỡng tâm thần kinh	TT nuôi điều dưỡng người có công			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	- Người cao tuổi còn vợ hoặc chồng, nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo	-			-												-	
	+ Dưới 85 tuổi	27			-				27							0,18	58	
	+ Dưới 85 tuổi bị tàn tật nặng	246			-				246							0,27	797	
	+ Từ 85 tuổi trở lên	-														0,27	-	
	+ Từ 85 tuổi trở lên bị tàn tật nặng	-														0,36	-	
	3. Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP																-	
	Người từ 85 tuổi trở lên, không có lương hưu hoặc không có trợ cấp BHXH	30.661	1.822	2.839	817	4.163	3.811	5.922	3.092	2.173	2.844	3.178				0,18	66.228	
	4. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Nghị định 13/2010/NĐ-CP	-															-	
	- Người tàn tật nặng không có khả năng lao động	7.875	368	542	966	1209	625	1.457	895	627	551	635				0,18	17.010	
	- Người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ	1.890	186	115	219	185	118	304	269	120	198	176				0,36	8.165	
	5. Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Nghị định 13/2010/NĐ-CP	-															-	
	- Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm	3.537	292	338	463	354	551	460	244	261	299	275				0,27	11.460	
	6. Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	-															-	
	- Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo	34	1	8	2	1	11	6	4		1					0,27	110	
	7. Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP (mức trợ cấp tính theo số trẻ nhận nuôi dưỡng)	-															-	
	- Nhận nuôi dưỡng trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên	298	46	50	89	2	25	3	29	13	3	38				0,36	1.287	
	- Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi; trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	6			1		1		3			1				0,45	32	
	- Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	21			-				21							0,54	136	
	8. Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 3 Điều 1 Nghị định 13/2010/NĐ-CP	-															-	
	- Hộ gia đình có 02 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần	79	7		9	13	15	9	11	6	7	2				0,36	341	
	- Hộ gia đình có 03 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần	26	1		-				23		1	1				0,54	168	
	- Hộ gia đình có từ 04 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần	1	1		-											0,72	9	

TT	Loại đối tượng	Đối tượng do địa phương báo cáo thực hiện (người)														Mức chi (triệu đồng /người/tháng)	Nhu cầu kinh phí thực hiện (tr.đ)	
		Tổng số	Gồm														Nhu cầu kinh phí địa phương	Nhu cầu kinh phí Tỉnh đề nghị hỗ trợ
			TP Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	Huyện Phù Cừ	Kim Động	Huyện Ân Thi	Huyện Khoái Châu	Huyện Yên Mỹ	Huyện Mỹ Hào	Huyện Văn Lâm	Huyện Văn Giang	Trung tâm bảo trợ xã hội	TT điều dưỡng tâm thần kinh	TT nuôi điều dưỡng người có công			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	9. Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP	-															-	
	- Đang nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên	1.746	76	170	72	331	280	311	207	92	101	106				0,18	3.771	
	- Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	60		1	-	1	1	4	53							0,27	194	
	- Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	27			-				27							0,36	117	
II	**Trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong nhà xã hội tại cộng đồng do xã, phường, thị trấn quản lý**	12	0	0	0	12	0	-	0	0	0	0	0	0	0		-	
	1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	-			-												-	
	- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng;	12			-	12										0,36	52	
	- Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật	-			-											0,36	-	
	- Trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng;	-			-											0,36	-	
	- Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên.	-			-											0,36	-	
	2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	-			-												-	
	- Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo	-			-											0,36	-	
	- Người cao tuổi còn vợ hoặc chồng, nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo.	-			-											0,36	-	
	3. Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	-			-												-	
	- Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo	-			-											0,36	-	
III	**Trợ cấp xã hội nuôi dưỡng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong các cơ sở bảo trợ xã hội**	434	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	113	205	116		2.053	2.053
	1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	-			-												-	
	- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng;	-			-												-	
	+ Từ 18 tháng tuổi trở lên	22			-								22			0,36	95	
	+ Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	-			-											0,45	-	
	- Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật;	-			-												-	
	+ Từ 18 tháng tuổi trở lên	16			-								16			0,36	69	

TT	Loại đối tượng	Đối tượng do địa phương báo cáo thực hiện (người)														Mức chi (triệu đồng /người/tháng)	Nhu cầu kinh phí thực hiện (tr.đ)	
		Tổng số	Gồm														Nhu cầu kinh phí địa phương	Nhu cầu kinh phí Tỉnh đề nghị hỗ trợ
			TP Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	Huyện Phù Cừ	Kim Động	Huyện Ân Thi	Huyện Khoái Châu	Huyện Yên Mỹ	Huyện Mỹ Hào	Huyện Văn Lâm	Huyện Văn Giang	Trung tâm bảo trợ xã hội	TT điều dưỡng tâm thần kinh	TT nuôi điều dưỡng người có công			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	+ Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	-			-											0,45	-	
	- Trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng;	-			-												-	
	+ Từ 18 tháng tuổi trở lên	3			-								3			0,36	13	
	+ Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	-			-											0,45	-	
	- Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên.	17			-								17				-	
	2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	-			-												-	
	- Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo	83			-								27		56	0,36	359	
	- Người cao tuổi còn vợ hoặc chồng, nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo	24			-								8		16	0,36	104	
	3. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Nghị định 13/2010/NĐ-CP	-			-												-	
	- Người tàn tật nặng không có khả năng lao động	26			-								7		19	0,36	112	
	- Người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ	8			-								4		4	0,36	35	
	4. Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Nghị định 13/2010/NĐ-CP	-			-												-	
	- Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm	229			-								3	205	21	0,45	1.237	
	5. Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	-			-												-	
	- Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo	4			-								4			0,45	22	
	6. Đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Nghị định 68/2008/NĐ-CP	-			-												-	
	- Các đối tượng xã hội cần sự bảo vệ khẩn cấp: Trẻ em bị bỏ rơi; nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động.	2			-								2			0,36	9	
	- Các đối tượng xã hội khác do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.	-			-											0,36	-	
B	**NHU CẦU KINH PHÍ MUA THẺ BẢO HIỂM Y TẾ**	**48.428**	**2.890**	**4.195**	**2.687**	**6.465**	**5.607**	**8.698**	**5.338**	**3.447**	**4.135**	**4.532**	**113**	**205**	**116**		**28.766**	**28.766**
C	**NHU CẦU MAI TÁNG PHÍ**	**2.008**	**150**	**296**	**114**	**220**	**167**	**179**	**285**	**183**	**241**	**137**	**7**	**11**	**18**	**3**	**6.024**	**6.024**
D	**BỔ SUNG KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG**	**600**	**60**	**60**	**60**	**60**	**60**	**60**	**60**	**60**	**60**	**60**					**600**	**600**
E	**CHẾ ĐỘ NGƯỜI CAO TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH 06/2011/NĐ-CP (Người cao tuổi từ 80 tuổi - 85 tuổi)**	**100.756**	**4.478**	**9.863**	**5.144**	**12.316**	**12.486**	**21.012**	**11.025**	**6.056**	**8.205**	**10.171**	**-**	**-**	**-**	**-**	**143.272**	**143.272**
	Năm 2012	**49.336**	**2.167**	**4.790**	**2.566**	**6.009**	**6.113**	**10.295**	**5.380**	**2.937**	**4.094**	**4.985**	**-**	**-**	**-**		**70.081**	

TT	Loại đối tượng	Đối tượng do địa phương báo cáo thực hiện (người)														Mức chi (triệu đồng /người/tháng)	Nhu cầu kinh phí thực hiện (tr.đ)	
		Tổng số	Gồm														Nhu cầu kinh phí địa phương	Nhu cầu kinh phí Tỉnh đề nghị hỗ trợ
			TP Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	Huyện Phù Cừ	Kim Động	Huyện Ân Thi	Huyện Khoái Châu	Huyện Yên Mỹ	Huyện Mỹ Hào	Huyện Văn Lâm	Huyện Văn Giang	Trung tâm bảo trợ xã hội	TT điều dưỡng tâm thần kinh	TT nuôi điều dưỡng người có công			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Nhu cầu kinh phí chi thường xuyên hàng tháng	**24.007**	1042	2339	1217	2923	2.969	5.064	2616	1409	1984	2444				0,18	51.855	
2	Nhu cầu kinh phí mua BHYT	**24.007**	1042	2339	1217	2923	2969	5064	2616	1409	1984	2444					14.260	
3	Nhu cầu kinh phí mai táng phí	**1.322**	83	112	132	163	175	167	148	119	126	97				3	3.966	
	Năm 2013	**51.420**	**2.311**	**5.073**	**2.578**	**6.307**	**6.373**	**10.717**	**5.645**	**3.119**	**4.111**	**5.186**	-	-	-		**73.191**	
1	Nhu cầu kinh phí chi thường xuyên hàng tháng	**24.975**	1113	2441	1219	3069	3.103	5.225	2754	1522	1998	2531				0,18	53.946	
2	Nhu cầu kinh phí mua BHYT	**24.975**	1113	2441	1219	3069	3103	5225	2754	1522	1998	2531					14.835	
3	Nhu cầu kinh phí mai táng phí	**1.470**	85	191	140	169	167	267	137	75	115	124				3	4.410	